

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 180/2007/QĐ – ABIC-TSKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Ban hành Quy tắc và biểu phí bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

- Căn cứ luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2000
- Căn cứ giấy phép thành lập và hoạt động số 38/GP-KDBH ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài Chính
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- Căn cứ công văn số: 7042/BTC-BH ngày 29 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc đăng ký sản phẩm bảo hiểm.
- Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng tài sản kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc và biểu phí bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp.

Điều 2

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng trong hệ thống Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Điều 3

Các Ông (Bà) Trưởng các phòng ban, Giám đốc các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Hội đồng Quản trị (để b/c)
- Ban điều hành (để t/h)
- Lưu TSKT, TCHC





QUY TẮC

BẢO HIỂM MỌI RỦI RO CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo quyết định số 2007/QĐ-ABIC-TSKT ngày / /2007
của Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Ngân Hàng Nông Nghiệp)

PHẦN I: THIẾT HẠI TÀI SẢN

Căn cứ vào những quy định, điều kiện, loại trừ bao gồm hoặc được bổ sung vào Quy tắc hay bảo hiểm hay được thể hiện một cách nào khác và được coi như là điều kiện tiên quyết để Người được bảo hiểm có quyền đòi bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này, Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (sau đây gọi tắt là ABIC) đồng ý rằng sau khi Người được bảo hiểm đã đóng khoản phí bảo hiểm được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, bất kỳ tài sản được bảo hiểm nào do Người được bảo hiểm sử dụng tại địa điểm được bảo hiểm cho mục đích công việc của họ hoặc bộ phận tài sản đó bị tổn thất, phá hủy hay tổn hại do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra, ngoài các nguyên nhân bị loại trừ, vào bất kỳ thời điểm nào trước 4 giờ chiều ngày cuối cùng của thời hạn bảo hiểm hoặc bất kỳ thời gian nào tiếp theo mà Người được bảo hiểm đã nộp phí theo yêu cầu của ABIC cho việc tái tục hợp đồng bảo hiểm.

ABIC sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm trị giá của tài sản tại thời điểm xảy ra tổn thất vật chất hay tài sản bị phá hủy hay giá trị của phần tổn thất vật chất đó (từ THIẾT HẠI từ đây về sau trong Quy tắc này sẽ có nghĩa là thiệt hại vật chất, bị phá hủy tính chất bất ngờ). ABIC cũng có thể chọn cách thay thế hay phục hồi toàn bộ hay một phần tài sản bị thiệt hại ấy.

Với điều kiện là trong mọi trường hợp trách nhiệm tổng cộng của ABIC trong thời hạn bảo hiểm cũng sẽ không vượt quá:

- (i) tổng số tiền bảo hiểm hay số tiền bảo hiểm tương ứng với mỗi hạng mục được kê khai trong Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- (ii) mọi giới hạn trách nhiệm được quy định trong Quy tắc, Giấy chứng nhận bảo hiểm hay bất cứ số tiền bảo hiểm nào được sửa đổi bởi các sửa đổi bổ sung đính kèm và được xác nhận bởi ABIC hay nhân danh cho ABIC.

LOẠI TRỪ

A. Các nguyên nhân bị loại trừ

Quy tắc bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm

1. Thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm gây ra bởi

- (a) (i) thiết kế sai, khuyết tật của nguyên vật liệu hay tay nghề kém, những khuyết tật ẩn tàng, sự thoái hóa dần giá trị hoặc do sự biến dạng, hao mòn tự nhiên;

- (ii) việc ngừng cung cấp điện, nước, khí đốt, hay các nguồn nguyên liệu khác, hay hư hỏng của hệ thống thải rác tới hay từ địa điểm được bảo hiểm;

Trừ khi những thiệt hại xảy ra do các nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm, trong trường hợp này **ABIC** chỉ có trách nhiệm đối với phần thiệt hại do các nguyên nhân đó.

- (b) (i) sụp đổ hay nứt rạn của ngôi nhà được bảo hiểm;
- (ii) ăn mòn, gỉ, do sự thay đổi độ ẩm hay khô của thời tiết, do nấm mốc, mục nát, do sự hao hụt, bay hơi mất trọng lượng, ô nhiễm, thay đổi màu sắc, mùi vị, chất liệu hay bề mặt, sự hư hại do tác động của ánh sáng, sâu bọ, côn trùng;

Trừ khi những tổn thất trên gây ra do thiệt hại tài sản được bảo hiểm hay ngôi nhà chứa các tài sản đó bởi nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm.

- (c) (i) trộm cắp, trừ khi việc trộm cắp đó xảy ra trong kiến trúc được bảo hiểm và được thực hiện bằng vũ lực để đột nhập hay thoát ra;
- (ii) các hành vi lừa đảo hay không trung thực;
- (iii) mất không giải thích được hay việc thiếu hụt trong kiểm kê, khiếm khuyết ghi chép lượng nguyên vật liệu ra vào kho hay những thiếu hụt do lỗi hành chính, kế toán;
- (iv) rạn nứt gây vỡ, sụp đổ hay áp suất quá tải của nồi hơi, bình tiết kiệm hay ống nối, rò rỉ nước từ các bể, đường ống hay các thiết bị chứa nước trong ngôi nhà bỏ trống hay không được sử dụng;

Trừ khi

- (i) các thiệt hại xảy ra do các nguyên nhân không được loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm, trong trường hợp này **ABIC** chỉ có trách nhiệm đối với phần thiệt hại do các nguyên nhân đó;
 - (ii) những thiệt hại gây ra do thiệt hại tài sản được bảo hiểm hay ngôi nhà chứa các tài sản đó bởi một nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm.
- (d) (i) sự xói mòn của sông, biển;
 - (ii) sụt lở đất;
 - (iii) sự lún đất thông thường hay tạo nền các cấu trúc xây dựng mới;
 - (iv) Thiệt hại gây ra cho những tài sản có thể di chuyển được để ngoài trời, bên hàng rào, cửa ra vào do gió, mưa, mưa đá, sương, tuyết, lụt, cát bụi;
 - (v) sự đông rắn lại do lạnh hoặc việc tràn ra của các kim loại bị nóng chảy.

2. Tổn hại gây ra bởi hay phát sinh từ

- (a) bất kỳ một hành động ác ý hay do sự cố tình bất cẩn của Người được bảo hiểm hay bất kỳ ai đại diện cho họ;
- (b) ngưng công tác, chậm trễ, mất thị trường hay bất kể một tổn thất mang tính hậu quả nào khác.

3. Tổn hại trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi hay do hay là hậu quả của bất kỳ sự cố nào sau đây

- (a) chiến tranh, xâm lược, các hành động thù địch, hành vi chiến tranh của kẻ thù bên ngoài (bất kể có tuyên chiến hay không), nội chiến;
- (b) binh biến, bạo động có khả năng dẫn đến cuộc bạo động quần chúng có vũ trang, khởi nghĩa, nổi loạn, cách mạng hay lực lượng quân sự tiềm quyền;
- (c) hành động khủng bố do một người hay một nhóm người đại diện hay có liên quan đến bất kỳ tổ chức nào thực hiện. Điều khoản loại trừ A 3 (c) này sẽ không áp dụng cho tổn hại do cháy gây ra;

Trong phạm vi điểm loại trừ A 3 (c) này, “khủng bố” có nghĩa là việc sử dụng vũ lực cho các mục đích chính trị kể cả việc sử dụng bạo lực nhằm mục đích gây hoang mang sợ hãi cho một bộ phận quần chúng hay toàn bộ cộng đồng xã hội.

- (d) (i) bị tước quyền sở hữu tạm thời hay vĩnh viễn do bị tịch thu tài sản, quốc hữu hóa, trưng dụng quân sự hay dân sự tài sản theo lệnh của nhà cầm quyền hợp pháp;
- (ii) bị truất hữu tạm thời hay vĩnh viễn ngôi nhà nào do việc chiếm hữu bất hợp pháp của bất cứ người nào;

Tuy nhiên, **ABIC** sẽ không được miễn trách nhiệm đối với những thiệt hại vật chất của tài sản được bảo hiểm xảy ra trước khi có sự truất hữu này hay xảy ra trong khi bị truất hữu tạm thời, vẫn được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này;

- (e) phá hủy tài sản được bảo hiểm do lệnh của nhà cầm quyền.

Trong bất kỳ trường hợp kiện tụng nào nếu **ABIC** cho rằng theo các điều khoản loại trừ A 3 (a) (b) (c) các tổn thất, phá hủy hay thiệt hại không thuộc phạm vi bồi thường của Quy tắc bảo hiểm này thì Người được bảo hiểm có nghĩa vụ dẫn chứng các tổn thất và thiệt hại đó thuộc phạm vi bảo hiểm.

- 4. Thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi hoặc phát sinh từ hoặc do hậu quả của hay do ảnh hưởng một phần của
 - (i) bất kỳ loại nguyên liệu vũ khí hạt nhân nào;
 - (ii) phóng xạ ion hóa hay do ô nhiễm phóng xạ do nguyên liệu hạt nhân hay do bất cứ nguồn chất thải hạt nhân nào do đốt cháy nguyên liệu hạt nhân. Riêng đối với điểm loại trừ này từ “đốt cháy” sẽ bao gồm bất cứ quá trình tự phân hủy nào của phản ứng phân hạch hạt nhân.

B. Tài sản bị loại trừ

Quy tắc bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm

- 1. (a) tiền, séc, chứng khoán, thẻ tín dụng, các loại trang sức quý, đá quý, kim loại quý, vàng nén, lông thú, đồ cổ, tem tài liệu, tác phẩm nghệ thuật, trừ khi tất cả chúng được xác nhận trong Giấy chứng nhận bảo hiểm là đã được bảo hiểm;
- (b) kính lắp cố định;
- (c) kính (ngoại trừ kính lắp cố định), đồ sứ, đất nung, đá cẩm thạch hay các đồ dễ vỡ khác;
- (d) các máy điện toán, các thiết bị xử lý dữ liệu;

Tuy nhiên, phần này không loại trừ thiệt hại (trừ khi bị loại trừ) gây ra bởi cháy, nổ, sét đánh, máy bay rơi, đình công, biểu tình công nhân tham gia bãi công, do những

người gây rối trong lao động, những người có hành động ác ý, đâm va với các phương tiện giao thông hay súc vật trên đường, động đất, bão biển, bão lụt, vỡ tràn nước hay tháo nước hay rò rỉ nước từ các bể chứa, đường ống nước, thiết bị.

2. Hàng hóa ký gửi, ủy thác, tài liệu, bản thảo, sổ sách kinh doanh, hệ thống dữ liệu máy tính, vật mẫu, khuôn mẫu, bản thiết kế, thuốc nổ, trừ khi được ghi là được bảo hiểm trong Giấy chứng nhận bảo hiểm này;
3.
 - (a) xe cơ giới để lưu hành trên đường (bao gồm tất cả các thiết bị, phụ tùng của xe), các xe kéo, xe moóc, xe lửa, đầu máy xe lửa, hàng hóa có thể vận chuyển được, tàu thủy, máy bay, tàu vũ trụ và các phương tiện tương tự;
 - (b) tài sản trong quá trình di chuyển ngoài phạm vi công trình được bảo hiểm;
 - (c) tài sản hoặc cấu trúc đang được phá dỡ, xây dựng hay lắp đặt và các vật liệu cung ứng liên quan;
 - (d) đất đai (bao gồm lớp đất trên bề mặt, nền đường, hệ thống thoát nước, cống), đường lái xe vào các tòa nhà, vỉa hè, đường băng, đường sắt, đập, bể chứa, kênh, giàn khoan, mỏ, các tài sản dưới lòng đất, các tài sản ngoài khơi;
 - (e) gia súc, mùa màng, cây cối;
 - (f) tài sản thiệt hại do bất kỳ quá trình xử lý nào;
 - (g) máy móc, thiết bị đang được lắp đặt, di chuyển (bao gồm quá trình tháo dỡ và lắp đặt lại) nếu các thiết bị này liên quan trực tiếp đến các hoạt động đó;
 - (h) tài sản đang trong quá trình sửa chữa, kiểm tra, lắp đặt hay bảo dưỡng bao gồm cả các nguyên vật liệu hay nguồn cung cấp khác có liên quan trực tiếp đến các hoạt động đó trừ khi các thiệt hại này xảy ra do các nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm, trong trường hợp này **ABIC** chỉ có trách nhiệm đối với phần thiệt hại là kết quả của các nguyên nhân đó;
 - (i) các tài sản khác chỉ được bảo hiểm trong các trường hợp đặc biệt;
4. Thiệt hại đối với tài sản mà tại thời điểm xảy ra tổn hại đó tài sản này đã được bảo hiểm hay đáng lẽ phải được bảo hiểm bởi một hợp đồng bảo hiểm hàng hải loại trừ phần tổn hại vượt quá trách nhiệm có thể được bồi thường của hợp đồng bảo hiểm hàng hải nếu không có hợp đồng bảo hiểm này;
5. Tổn hại đối với nồi hơi, bình đun nước bằng hơi tiết kiệm, tua bin, hay các bình chứa, máy móc thiết bị khác có sử dụng áp suất hay các chất chứa bên trong do nổ hay vỡ.

c. Bảo hiểm dưới giá trị

Tại thời điểm xảy ra thiệt hại, nếu tài sản được bảo hiểm có giá trị thực tế lớn hơn số tiền bảo hiểm của tài sản đó thì Người được bảo hiểm phải tự chịu một phần tổn thất tương ứng với tỷ lệ bảo hiểm dưới giá trị. Điều kiện này sẽ được áp dụng riêng rẽ đối với từng hạng mục tài sản được bảo hiểm.

d. Mức miễn thường

Quy tắc này bảo hiểm này không bồi thường các khoản miễn thường được kê khai trong Giấy chứng nhận bảo hiểm đối với mỗi tổn thất sau khi đã áp dụng tất cả các điều kiện, điều khoản của quy tắc bảo hiểm này.

Người được bảo hiểm cam kết rằng, trong thời hạn có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm, sẽ không mua bảo hiểm cho số tiền miễn thường được kê khai trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Tính đồng nhất

Quy tắc bảo hiểm này cùng với phụ bản (là những bộ phận hợp thành không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm) phải được coi là Hợp đồng bảo hiểm và tại bất cứ bộ phận nào thuộc Quy tắc bảo hiểm, từ hay cụm từ nào đã được gán một ý nghĩa đặc biệt thì ý nghĩa đặc biệt đó được duy trì khi xuất hiện ở bất cứ đâu trong Quy tắc bảo hiểm hay phụ bản.

2. Mô tả sai

Nếu Người được bảo hiểm hay người đại diện của Người được bảo hiểm cung cấp bất kỳ những thông tin sai lệch có liên quan đến tài sản được bảo hiểm hay kiến trúc được bảo hiểm hoặc địa điểm có chứa tài sản được bảo hiểm hoặc về loại kinh doanh hay khuôn viên thuộc bảo hiểm này hoặc có bất kỳ một sự lệch lạc, bóp méo hay bỏ sót các thông tin mà dựa vào các thông tin đó ABIC sẽ đánh giá rủi ro, trong trường hợp này ABIC sẽ không chịu trách nhiệm đối với các tài sản bị tổn thất do ảnh hưởng bởi sự thông báo sai lệch trên.

3. Hủy bỏ bảo hiểm

Bảo hiểm này có thể được chấm dứt bất cứ lúc nào nếu Người được bảo hiểm yêu cầu, trong trường hợp này ABIC sẽ giữ lại phần phí bảo hiểm áp dụng biểu phí ngắn hạn cho thời gian hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực. Hợp đồng bảo hiểm cũng có thể chấm dứt vào bất cứ thời điểm nào do quyết định của ABIC với điều kiện ABIC phải thông báo trước cho Người được bảo hiểm. Trong trường hợp này ABIC sẽ có trách nhiệm hoàn trả một phần phí bảo hiểm theo tỷ lệ tương ứng với thời gian kể từ ngày thông báo hủy bỏ cho đến hết ngày kết thúc hiệu lực của hợp đồng.

4. Mất quyền lợi

Tất cả quyền lợi bảo hiểm ở Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị bãi bỏ nếu khiếu nại đòi bồi thường của Người được bảo hiểm là man trá trên bất cứ phương diện nào hoặc Người được bảo hiểm hay người đại diện cho họ sử dụng các hành vi hay các thủ đoạn man trá nhằm trục lợi đối với hợp đồng bảo hiểm này.

5. Thế quyền đòi bồi thường

Những người có quyền khiếu nại theo Quy tắc bảo hiểm này phải thực hiện và hỗ trợ thực hiện và cho phép thực hiện, bằng chi phí của ABIC, mọi hành vi cần thiết và hợp lý theo yêu cầu của Người được bảo hiểm nhằm bảo lưu các quyền, các biện pháp nhằm đòi các bên thứ ba đòi tiền bồi thường sau khi ABIC đã chi trả hay phục hồi tổn thất. Tuy nhiên các công việc này có thể tiến hành trước hay sau khi ABIC đã bồi thường cho Người được bảo hiểm.

6. Bảo hiểm trùng

Nếu tại thời điểm xảy ra thiệt hại, tài sản được bảo hiểm bị tổn thất, hay thiệt hại đã được Người được bảo hiểm hay đại diện mua bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm khác bảo vệ cho toàn bộ hay một phần tổn thất xảy ra hay đối với tài sản được bảo hiểm thì trách nhiệm bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm này chỉ giới hạn ở phần tổn thất phân bổ theo tỷ lệ.

7. Trọng tài

Nếu phát sinh bất kỳ tranh chấp nào có liên quan đến số tiền chi trả bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm thì các tranh chấp này sẽ được quyết định bởi một trọng tài do hai bên chỉ định bằng văn bản. Nếu hai bên vẫn chưa nhất trí với quyết định của trọng tài thì mỗi bên có thể yêu cầu chỉ định một trọng tài khác bằng văn bản sau 2 tháng kể từ khi một bên nhận được văn bản của bên kia yêu cầu chọn trọng tài khác. Trong trường hợp một trong

hai bên không chỉ định được trọng tài cho mình trong vòng 2 tháng kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản của bên kia, thì bên kia có quyền chỉ định một trọng tài duy nhất. Nếu hai trọng tài nói trên vẫn không thương lượng được với nhau thì họ sẽ bằng văn bản chỉ ra một trọng tài chung khác để cùng ngồi và chủ tọa các cuộc thương lượng của họ. Trong trường hợp một trong các bên trọng tài hoặc trọng tài chung bị chết thì hiệu lực của việc thi hành quyết định của các trọng tài này không vì thế mà bị ảnh hưởng, trong trường hợp này, một trọng tài khác sẽ được chỉ định để thay thế cho người đã chết. Phí tổn cho trọng tài sẽ do các trọng tài quyết định. Các bên đồng ý và thỏa thuận rằng điều kiện tiên quyết để Người được bảo hiểm có thể phát đơn kiện theo Quy tắc bảo hiểm là trước hết phải có phán quyết của trọng tài.

8. Thay đổi

Trong bất kỳ trường hợp nào dưới đây, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực đối với các tài sản được bảo hiểm trừ khi Người được bảo hiểm trước khi xảy ra tổn thất được **ABIC** chấp nhận bằng cách cấp sửa đổi bổ sung do **ABIC** hay người đại diện của **ABIC** ký xác nhận:

- (a) công việc kinh doanh, sản xuất của Người được bảo hiểm bị thay đổi, hay sự thay đổi của loại ngành nghề cũng như các điều kiện khác gây ảnh hưởng tới kiến trúc được bảo hiểm hay địa điểm chứa tài sản được bảo hiểm làm tăng khả năng xảy ra tổn thất đối với tài sản được bảo hiểm;
- (b) nếu kiến trúc được bảo hiểm hay địa điểm chứa các tài sản được bảo hiểm không có người trông coi trong thời hạn từ 30 ngày trở lên;
- (c) nếu tài sản được bảo hiểm bị di chuyển các địa điểm khác ngoài kiến trúc được bảo hiểm;
- (d) thay đổi quyền sở hữu của tài sản được bảo hiểm trừ khi các thay đổi này do di chúc hay do hoạt động của luật pháp.

9. Khiếu nại đòi bồi thường

Khi có tổn thất phát sinh hay tổn thất có thể thuộc trách nhiệm của Quy tắc bảo hiểm này, Người được bảo hiểm phải:

- (a) ngay lập tức
 - (i) thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để giảm tối đa tổn thất và thu hồi những tài sản bị mất mát;
 - (ii) thông báo bằng văn bản cho **ABIC**;
 - (iii) thông báo cho công an trong trường hợp tổn thất xảy ra do trộm cắp hay bị nghi là đã xảy ra trộm cắp hay các hành động ác ý;
- (b) trong vòng 30 ngày hay lâu hơn nếu có sự đồng ý của **ABIC** bằng văn bản phải cung cấp cho **ABIC**:
 - (i) hồ sơ khiếu nại đòi bồi thường tài sản bị tổn thất hay thiệt hại càng chi tiết càng tốt tất cả các hạng mục tài sản bị tổn thất hoặc thiệt hại và tổng số tiền tổn thất căn cứ vào giá trị của tài sản tại thời điểm xảy ra tổn thất;
 - (ii) thông tin chi tiết về các hợp đồng bảo hiểm khác nếu có;

Vào bất cứ lúc nào Người được bảo hiểm bằng chi phí của mình phải thu thập và cung cấp cho **ABIC** tất cả các thông tin chi tiết có liên quan, các sổ sách kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, các hóa đơn biên lai, chứng từ, tài liệu, bằng

chúng có liên quan đến tổn thất và nguyên nhân gây ra tổn thất, hoàn cảnh cụ thể của tổn thất, hay vấn đề có liên quan đến trách nhiệm hay số tiền bồi thường của Người được bảo hiểm mà **ABIC** có thể yêu cầu một cách hợp lý cùng với một bản cam kết hay văn bản dưới hình thức pháp lý nào khác xác nhận độ trung thực của khiếu nại và của bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến khiếu nại.

c. Thời hạn yêu cầu, thanh toán và khiếu nại đòi bồi thường

(I) Thời hạn yêu cầu đòi bồi thường của Người được bảo hiểm là một năm kể từ ngày xảy ra tổn thất trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của Pháp luật.

(ii) Thời hạn thanh toán của bồi thường của **ABIC** là 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ và hợp lệ.

(iii) Thời hiệu khởi kiện về bồi thường bảo hiểm là 3 năm kể từ ngày **ABIC** trả tiền bồi thường hay từ chối bồi thường.

10. Quyền của **ABIC khi có tổn thất xảy ra**

Trong trường hợp có thiệt hại xảy ra đối với tài sản được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này, **ABIC** có thể:

- (a) vào và chiếm giữ các kiến trúc hay công trường, nơi xảy ra tổn hại;
- (b) chiếm giữ hoặc yêu cầu Người được bảo hiểm giao các tài sản có trong kiến trúc hay công trường tại thời điểm xảy ra tổn thất cho **ABIC**;
- (c) chiếm giữ bất kỳ tài sản nào để kiểm tra, phân loại, sắp xếp, di chuyển hay để xử lý theo một cách nào khác;
- (d) bán hay sử dụng tùy ý bất kỳ tài sản bị tổn thất nào.

Các quyền theo điều kiện này được **ABIC** thực thi bất cứ lúc nào cho đến khi Người được bảo hiểm thông báo bằng văn bản xác nhận rằng Người được bảo hiểm sẽ không đòi bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này hoặc, nếu là trường hợp có đòi bồi thường thì cho đến khi có quyết định về bồi thường hay khi khiếu nại đòi bồi thường được rút về. **ABIC** trong khi thực thi quyền hạn này sẽ không gây trách nhiệm cho Người được bảo hiểm hay giới hạn quyền của mình vi phạm dẫn mọi điều kiện của Quy tắc bảo hiểm để giải quyết bồi thường.

Nếu Người được bảo hiểm hay bất kỳ ai đại diện cho Người được bảo hiểm không tuân theo những yêu cầu của **ABIC** hay gây cản trở **ABIC** trong việc thi hành quyền hạn theo điều khoản này thì quyền lợi của Người được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này sẽ bị bãi bỏ.

Trong bất kỳ trường hợp nào, Người được bảo hiểm không có quyền từ bỏ tài sản của mình cho **ABIC** cho dù tài sản đó đang được **ABIC** giữ hay không.

11. Sửa chữa và thay thế tài sản

ABIC, tùy theo sự lựa chọn của mình, có thể sửa chữa hay thay thế toàn bộ hay một phần tài sản bị thiệt hại hay phá hủy bằng việc trả số tiền bồi thường tổn thất hoặc có thể cộng tác với các doanh nghiệp bảo hiểm khác để thực hiện những việc đó. **ABIC** không có trách nhiệm buộc phải sửa chữa tài sản một cách hoàn toàn chính xác như cũ mà chỉ với một mức độ hợp lý mà hoàn cảnh thực tế cho phép, trong bất kỳ trường hợp nào **ABIC** sẽ không chi cho việc khôi phục tài sản một số tiền lớn hơn số chi phí cần thiết để khôi phục tài sản trở lại tình trạng như trước lúc xảy ra tổn thất hoặc lớn hơn số tiền bảo hiểm của tài sản đó.

Nếu **ABIC** lựa chọn phương án sửa chữa hay thay thế thì Người được bảo hiểm, bằng chi phí của mình, phải cung cấp cho **ABIC** các bản vẽ, các tài liệu, phương án kỹ thuật, số lượng máy móc và tất cả các thông tin cần thiết khác có liên quan nếu **ABIC** có yêu cầu. Không một hành động hay một nguyên nhân nào do **ABIC** thực hiện hay buộc phải thực hiện với mục đích để xem xét việc sửa chữa hay thay thế tài sản được coi như là **ABIC** đã lựa chọn sửa chữa hay thay thế.

Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu **ABIC** không thực hiện được việc thay thế hay sửa chữa tài sản được bảo hiểm do có các quy định của chính quyền địa phương về việc bảo vệ cảnh quan đường phố hay xây dựng các tòa nhà lớn thì **ABIC** chỉ có trách nhiệm chi trả một khoản tiền tương ứng với chi phí đòi hỏi phải bỏ ra để thay thế hay sửa chữa tài sản đó với giả thiết nó được sửa chữa một cách hợp pháp theo điều kiện như cũ.

12. Các phương pháp để phòng tổn thất hợp lý

Người được bảo hiểm phải bảo dưỡng tài sản theo phương pháp đúng đắn và phải thực hiện mọi biện pháp để phòng tổn thất để bảo vệ cho tài sản đó.

PHẦN II: GIÁN ĐOẠN KINH DOANH

Căn cứ vào các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Quy tắc bảo hiểm này hay các sửa đổi bổ sung đính kèm hoặc được quy định theo cách khác trong phạm vi tính chất mức độ cho phép liên quan đến các điều khoản, điều kiện, các điểm loại trừ sẽ được xem là điều kiện tiên quyết cho phép Người được bảo hiểm được đòi bồi thường theo Quy tắc này, **ABIC** đồng ý rằng nếu sau khi Người được bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm cho **ABIC**, bất kỳ tòa nhà hay tài sản được bảo hiểm nào tại địa điểm được bảo hiểm bị thiệt hại vật chất bất ngờ, bị hủy hoại hay thiệt hại (thiệt hại vật chất bất ngờ, bị hủy hoại hay thiệt hại này sau đây được gọi tắt là **THIỆT HẠI**) do một nguyên nhân không bị loại trừ trong bất kỳ khoảng thời gian bảo hiểm nào trước 4 giờ chiều ngày cuối cùng của thời hạn bảo hiểm hoặc bất cứ khoảng thời gian nào sau đó mà Người được bảo hiểm đã thanh toán phí cho **ABIC** và được **ABIC** chấp nhận số phí để tái tục hợp đồng và công việc kinh doanh của Người được bảo hiểm tại tòa nhà được bảo hiểm bị gián đoạn hay ngừng trệ.

ABIC sẽ trả cho Người được bảo hiểm những khoản mục liệt kê trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số tiền tổn thất do sự gián đoạn hay ngừng trệ nêu trên theo những quy định tại Quy tắc này.

Quy định rằng:

1. tại thời điểm xảy ra hư hại Người được bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm tài sản cho tài sản đặt tại khuôn viên đối với tổn thất phá hủy hoặc hư hại đó và được hiểu rằng
 - (i) phí bảo hiểm đã được thanh toán hay trách nhiệm bảo hiểm đã được công nhận, hoặc
 - (ii) phí bảo hiểm lẽ ra phải được thanh toán hay trách nhiệm bảo hiểm lẽ ra phải được công nhận nhưng loại trừ trách nhiệm đối với những tổn thất dưới mức được nêu theo hiệu lực của điều khoản bảo hiểm này.
2. trách nhiệm của **ABIC** theo Hợp đồng bảo hiểm sẽ không vượt quá:
 - (i) tổng số tiền bảo hiểm hay số tiền bảo hiểm tương ứng với mỗi hạng mục được kê khai trong Giấy chứng nhận bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm;

- (ii) mọi giới hạn trách nhiệm được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hay bất cứ số tiền bảo hiểm nào được sửa đổi bởi các sửa đổi bổ sung đính kèm và được xác nhận bởi **ABIC** hay nhân danh cho **ABIC**.

A. CÁC NGUYÊN NHÂN BỊ LOẠI TRỪ

Quy tắc này bảo hiểm này không bảo hiểm cho những tổn thất phát sinh từ:

1. Thiệt hại về tài sản gây ra bởi

- (a) (i) thiết kế sai, khuyết tật của nguyên vật liệu hay tay nghề kém, những khuyết tật ẩn tỳ, sự thoái hóa dần giá trị hoặc do sự biến dạng, hao mòn tự nhiên;
- (ii) việc ngừng cung cấp điện, nước, khí đốt, hay các nguồn nguyên liệu khác, hay hư hỏng của hệ thống thải rác tới hay từ địa điểm được bảo hiểm;

Trừ khi những thiệt hại xảy ra do các nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm, trong trường hợp này **ABIC** chỉ có trách nhiệm đối với phần thiệt hại do các nguyên nhân đó.

- (b) (i) sụp đổ hay nứt rạn ngôi nhà được bảo hiểm;
- (ii) ăn mòn, gỉ, do sự thay đổi độ ẩm hay khô của thời tiết, do nấm mốc, mục nát, do sự hao hụt, bay hơi mất trọng lượng, ô nhiễm, thay đổi màu sắc, mùi vị, chất liệu hay bề mặt, sự hư hại do tác động của ánh sáng, sâu bọ, côn trùng;

Trừ khi những tổn thất trên gây ra do thiệt hại tài sản được bảo hiểm hay ngôi nhà chứa các tài sản đó bởi nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm.

- (c) (i) trộm cắp, trừ khi việc trộm cắp đó xảy ra trong kiến trúc được bảo hiểm và được thực hiện bằng vũ lực để đột nhập hay thoát ra;
- (ii) các hành vi lừa đảo hay không trung thực;
- (iii) mất không giải thích được hay việc thiếu hụt trong kiểm kê, khiếm khuyết ghi chép lượng nguyên vật liệu ra vào kho hay những thiếu hụt do lỗi hành chính, kế toán;
- (iv) rạn nứt gãy vỡ, sụp đổ hay áp suất quá tải của nồi hơi, bình đun nước bằng hơi tiết kiệm hay ống nối, rò rỉ ở các mối hàn của nồi hơi;
- (v) hư hỏng do điện hay cơ khí hay trục trặc máy móc thiết bị;
- (vi) vỡ, tràn nước, tháo nước hay rò rỉ nước từ các bể, đường ống hay các thiết bị chứa nước trong ngôi nhà bỏ trống hay không được sử dụng;

Trừ khi

- (i) các thiệt hại xảy ra do các nguyên nhân không được loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm, trong trường hợp này **ABIC** chỉ có trách nhiệm đối với phần thiệt hại do các nguyên nhân đó;
- (ii) những thiệt hại gây ra do thiệt hại tài sản được bảo hiểm hay ngôi nhà chứa các tài sản đó bởi một nguyên nhân không được loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm này.
- (d) (i) sự xói mòn của sông, biển;
- (ii) sụt lở đất;

- (iii) sự lún đất thông thường hay tạo nền các cấu trúc xây dựng mới;
- (iv) thiệt hại gây ra cho những tài sản có thể di chuyển được để ngoài trời, trên hàng rào, cửa ra vào do gió, mưa, mưa đá, sương, tuyết, lụt, cát bụi;
- (v) sự đông rắn lại do lạnh hoặc việc tràn ra của các kim loại bị nóng chảy.

2. Thiệt hại đối với

- (a) tài sản do kết quả của bất kỳ quá trình xử lý nào;
- (b) tài sản trong quá trình vận chuyển ngoài kiến trúc khu nhà được liệt kê trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. Thiệt hại là kết quả của

- (a) việc xóa có chủ ý, làm mất, méo mó hoặc sai lệch thông tin trong hệ thống máy vi tính hay chương trình lưu trữ hay phần mềm khác;
- (b) việc xóa hay làm mất dấu vết khác, méo mó hoặc sai lệch khác về thông tin trong hệ thống máy vi tính hay chương trình lưu trữ hay phần mềm khác trừ khi là do cháy, sét đánh, nổ, máy bay, ảnh hưởng của bất kỳ xe cộ trên đường hoặc động vật, động đất, giông bão, lũ, nổ tràn hay rỉ nước từ hồ nước, máy móc hay đường ống và những rủi ro khác không bị loại trừ.

Trừ khi gây ra bởi thiệt hại đối với máy móc hoặc thiết bị được sử dụng lưu trữ dữ liệu.

4. Thiệt hại đối với

- (a) kính gắn cố định;
- (b) đồ thủy tinh (không phải là kính gắn cố định), đồ sành sứ, đá hoa cương hoặc các vật thể khác dễ nứt vỡ;
- (c) thiết bị, linh kiện lắp đặt điện tử, máy vi tính và các thiết bị xử lý dữ kiện;
- (d) xe cộ được phép lưu hành trên đường công cộng (bao gồm cả phụ tùng đi kèm), đoàn xe kéo có rơ moóc, đường xe lửa, hay hàng hóa vận chuyển, tàu bè, máy bay, tàu vũ trụ hay các phương tiện tương tự;
- (e) tài sản hay cấu trúc trong quá trình phá hủy, xây dựng hay lắp đặt và vật liệu cung cấp có liên quan;
- (f) nhà xưởng, máy móc hay thiết bị trong quá trình lắp đặt, dịch chuyển, sắp xếp lại (bao gồm cả việc tháo dỡ và lắp đặt lại) nếu tham gia trực tiếp vào các hoạt động đó;
- (g) tài sản đã qua thay thế, sửa chữa, chạy thử, lắp đặt hay bảo dưỡng bao gồm cả vật liệu cung ứng đi kèm theo nếu trực tiếp tham gia vào hoạt động hay công tác đang được tiến hành khi đó.

Nhưng điều này không loại trừ các hư hại (mà không bị loại trừ theo cách khác) gây ra do cháy, sét đánh, nổ, máy bay, nổi loạn, biểu tình, công nhân bẽ xường, những người tham gia vào các cuộc rối loạn có liên quan đến vấn đề lao động, người có hành vi ác ý, ảnh hưởng của bất kỳ xe cộ trên đường hoặc động vật, động đất, giông bão, lũ, nổ tràn hay rỉ nước từ hồ nước, máy móc hay đường ống.

5. Thiệt hại đối với

- (a) đất đai (bao gồm đất mặt, đất lấp cống rãnh), vỉa hè, đường, đường băng, đường xe lửa, đập nước, hồ nước, kênh đào, giàn khoan, giếng, đường ống, đường

ngầm, cầu, ụ tàu, cầu cảng, đất đào, các bến phà, tài sản ngầm, tài sản ngoài khơi;

(b) động vật sống, mùa màng và cây cối.

6. Thiệt hại gây ra bởi hoặc phát sinh từ

(a) bất kỳ hành động ác ý hoặc sơ xuất của Người được bảo hiểm hay bất kỳ ai hành động thay mặt Người được bảo hiểm;

(b) ngừng trệ công việc.

7. Thiệt hại được gây ra trực tiếp hay gián tiếp bởi/hay thông qua/hay do hậu quả của bất kỳ sự kiện được liệt kê sau đây

(a) chiến tranh, hành động xâm lược của ngoại thù, các hoạt động thù địch hay hành động có tính chất chiến tranh (dù chiến tranh có tuyên chiến hay không), nội chiến;

(b) tiếm quyền, bạo động dân sự, được cho là góp phần tạo nên hay dẫn đến nổi loạn dân sự, nổi loạn quân sự, khởi nghĩa, bạo động, cách mạng, binh biến hay đảo chính;

(c) hành động khủng bố do một người hay một nhóm người đại diện hay có liên quan đến bất kỳ tổ chức nào thực hiện. Điều khoản loại trừ 7 (c) này sẽ không áp dụng cho thiệt hại do cháy gây ra;

trong phạm vi của điểm loại trừ 7 (c) này, "khủng bố" có nghĩa là việc sử dụng bạo lực cho mục đích chính trị và bao gồm việc sử dụng bạo lực nhằm làm cho công chúng hay bộ phận công chúng lo sợ.

(d) (i) bị tước quyền sở hữu tạm thời hay vĩnh viễn do bị tịch thu tài sản, quốc hữu hóa, trưng dụng quân sự hay dân sự tài sản theo lệnh của nhà cầm quyền hợp pháp;

(ii) bị truất hữu tạm thời hay vĩnh viễn ngôi nhà nào do việc chiếm hữu bất hợp pháp của bất cứ ai;

Tuy nhiên, **ABIC** sẽ không được miễn trách nhiệm đối với những thiệt hại hay vật chất của tài sản được bảo hiểm xảy ra trước khi có sự truất hữu này xảy ra trong khi bị truất hữu tạm thời, vẫn được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này.

(e) hủy hoại tài sản theo lệnh của bất kỳ cơ quan công quyền nào.

Trong bất kỳ vụ tranh chấp, kiện tụng hay tố tụng khi **ABIC** cho rằng do có các quy định ở loại trừ 7 (a) (b) và (c) ở trên, bất kỳ tổn thất, hủy hoại hay thiệt hại nào đó không được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này, khi đó việc chứng minh rằng các tổn thất bị thiệt hại và hủy hoại như vậy được bảo hiểm sẽ thuộc về Người được bảo hiểm.

8. Thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi/hoặc này sinh từ hoặc là hậu quả của/hay quy cho

(a) các vật liệu vũ khí hạt nhân;

(b) phóng xạ ion hóa hay nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguyên liệu hạt nhân nào hoặc bất kỳ chất thải hạt nhân từ các vụ nổ nguyên liệu hạt nhân. Nổ hạt nhân trong phạm vi của điểm loại trừ 8 (b) sẽ bao gồm bất cứ quá trình tự phân hạch nào.

9. Thiệt hại cho nồi hơi, các máy móc kiểm soát hơi nước, tua bin hay các máy móc mà trong đó áp suất được sử dụng hay các bộ phận của chúng nảy sinh từ nổ hay đổ vỡ.

B. MỨC MIỄN THƯỜNG

Quy tắc bảo hiểm này không bảo hiểm cho số tiền của mức miễn thường được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm đối với mỗi và mọi tổn thất được bảo hiểm sau khi áp dụng tất cả các điều khoản và điều kiện của hợp đồng bảo hiểm bao gồm bất kỳ điều kiện về luật trung bình.

Người được bảo hiểm cam kết rằng, trong thời hạn bảo hiểm, sẽ không mua bảo hiểm cho số tiền miễn thường được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

C. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Tính nhất quán

Quy tắc bảo hiểm này và Giấy chứng nhận bảo hiểm (là các bộ phận hợp nhất của hợp đồng bảo hiểm) sẽ được xem là một hợp đồng bảo hiểm và các từ ngữ, thuật ngữ được gán một ý nghĩa riêng biệt đó được duy trì khi xuất hiện trong bất kỳ phần nào của Quy tắc bảo hiểm.

2. Miêu tả sai

Nếu có bất kỳ những thông tin sai lệch có liên quan đến ngành nghề kinh doanh hay kiến trúc mà Hợp đồng bảo hiểm đề cập đến hay có bất kỳ sự bóp méo nào trong khai báo các thông tin cần thiết cho việc đánh giá, ước tính mức độ rủi ro hay có bất kỳ sơ suất nào trong việc cung cấp các thông tin ấy, **ABIC** sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm.

3. Hủy bỏ hợp đồng

Bảo hiểm này có thể kết thúc vào bất cứ lúc nào theo đề nghị của Người được bảo hiểm, trong trường hợp đó **ABIC** sẽ giữ lại số phí ngắn hạn cho khoảng thời gian Hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực. Bảo hiểm này cũng có thể bị kết thúc bất kỳ lúc nào bởi **ABIC** bằng cách thông báo cho Người được bảo hiểm biết việc hủy bỏ này và **ABIC** sẽ có trách nhiệm trả lại phần phí tỷ lệ cho khoảng thời gian hợp đồng chưa đáo hạn kể từ ngày hủy bỏ có hiệu lực.

4. Mất quyền lợi

Tất cả quyền lợi theo Quy tắc bảo hiểm này mặc nhiên sẽ bị bãi bỏ nếu khiếu nại đòi bồi thường của Người được bảo hiểm là man trá trên bất cứ phương diện nào hoặc Người được bảo hiểm hay người đại diện cho họ sử dụng các hành vi hay các thủ đoạn man trá nhằm trục lợi đối với hợp đồng bảo hiểm.

5. Thế quyền đòi bồi thường

Những người có quyền khiếu nại theo Quy tắc bảo hiểm phải thực hiện và hỗ trợ thực hiện và cho phép thực hiện, bằng chi phí của Người được bảo hiểm, mọi hành vi cần thiết và hợp lý theo yêu cầu của **ABIC** nhằm bảo lưu các quyền, các biện pháp nhằm đòi các bên thứ ba tiền bồi thường sau khi **ABIC** đã chi trả hay phục hồi tổn thất. Tuy nhiên các công việc này có thể tiến hành trước hay sau khi **ABIC** bồi thường cho Người được bảo hiểm.

6. Bảo hiểm trùng

Nếu tại thời điểm xảy ra thiệt hại, tài sản được bảo hiểm bị tổn thất, hay thiệt hại đã được Người được bảo hiểm hay đại diện mua bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm khác bảo vệ cho

toàn bộ hay một phần tổn thất xảy ra hay đối với tài sản được bảo hiểm thì trách nhiệm bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm này chỉ giới hạn ở phần tổn thất phân bổ theo tỷ lệ.

7. Trọng tài

Nếu phát sinh bất kỳ tranh chấp nào có liên quan đến số tiền chi trả bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này thì các tranh chấp này sẽ được quyết định bởi một trọng tài do hai bên chỉ định bằng văn bản. Nếu hai bên vẫn chưa nhất trí với quyết định của trọng tài thì mỗi bên có quyền yêu cầu chỉ định một trọng tài khác bằng văn bản sau 2 tháng kể từ khi một bên nhận được văn bản của bên kia yêu cầu chọn trọng tài khác. Trong trường hợp một trong hai bên không chỉ định được trọng tài cho mình trong vòng 2 tháng kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản của bên kia, thì bên kia có quyền chỉ định một trọng tài duy nhất. Nếu hai trọng tài nói trên vẫn không thương lượng được với nhau thì họ sẽ bằng văn bản chỉ ra một trọng tài chung khác để cùng ngồi và chủ tọa các cuộc thương lượng của họ. Trong trường hợp một trong các bên trọng tài hoặc trọng tài chung bị chết thì hiệu lực việc thi hành quyết định của các trọng tài này không vì thế mà bị ảnh hưởng, trong trường hợp này, một trọng tài khác sẽ được chỉ định để thay thế cho người đã chết. Phí tổn cho trọng tài sẽ do các trọng tài quyết định. Các bên đồng ý thỏa thuận rằng điều kiện tiên quyết để Người được bảo hiểm có thể phát đơn kiện theo Quy tắc bảo hiểm là trước hết phải có phán quyết của trọng tài.

8. Thay đổi

Hợp đồng sẽ mất hiệu lực nếu:

- a) công việc kinh doanh bị kết thúc hay được tiếp tục thực hiện bởi người thanh lý hay người tiếp quản bị tiếp quản hay bị ngừng lâu dài;
- b) quyền lợi của Người được bảo hiểm kết thúc nhưng không phải vì Người được bảo hiểm chết;
- c) bất cứ sự thay đổi nào của ngành sản xuất kinh doanh hoặc tại khu nhà hoặc tài sản trong đó làm tăng mức độ rủi ro.

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, trừ khi việc tiếp tục được bảo hiểm được **ABIC** hay nhân danh **ABIC** xác nhận bằng văn bản bổ sung.

9. Tỷ lệ phí thiệt hại tài sản

ABIC sẽ thông báo, và nếu cần phải thu thêm một khoản phí bảo hiểm, quyền lợi của Người được bảo hiểm đối với tài sản tại khu nhà được bảo hiểm có rủi ro gia tăng.

10. Khiếu nại

Trong trường hợp xảy ra bất kỳ thiệt hại nào mà hậu quả của nó dẫn đến hay có thể dẫn đến khiếu nại đòi bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này thì Người được bảo hiểm sẽ thông báo ngay cho **ABIC** về việc này và miễn cán một cách hợp lý tiến hành các biện pháp cần thiết để giảm thiểu và kiểm soát bất cứ sự gián đoạn hay cản trở công việc kinh doanh hoặc ngăn ngừa hay giảm tổn thất và trong trường hợp có khiếu nại theo Quy tắc này thì Người được bảo hiểm bằng chi phí của mình sẽ chuyển tới **ABIC** bằng văn bản những chi tiết của khiếu nại và các chi tiết của các bảo hiểm khác (nếu có) liên quan đến hư hại đó hoặc một phần của hư hại đó hay bất cứ tổn thất hậu quả nào không chậm hơn 30 ngày sau khi kết thúc thời hạn bồi thường hoặc trong khoảng thời gian xa hơn mà **ABIC** chấp thuận bằng văn bản.

Người được bảo hiểm bằng chi phí riêng của mình, tiến hành chuyển cho **ABIC** các sổ sách kế toán và sổ sách kinh doanh khác, các hóa đơn, chứng từ, bảng cân đối tài sản và các tài liệu bằng chứng khác, giải trình thông tin hay bất kỳ bằng chứng nào khác mà

ABIC có thể yêu cầu vì mục đích điều tra hay thẩm chứng việc khiếu nại, nếu được yêu cầu, cùng với những công bố pháp lý về tính xác thực của việc khiếu nại và của bất kỳ những vấn đề nào có liên quan đến khiếu nại.

Nếu các qui định của điều kiện này không được tuân thủ thì không có bất kỳ vụ khiếu nại nào theo Quy tắc này sẽ được thanh toán và bất kỳ khoản thanh toán nào về việc khiếu nại đã được thanh toán sẽ phải trả lại cho **ABIC** ngay lập tức.

11. Các biện pháp đề phòng

Người được bảo hiểm phải bảo dưỡng tài sản theo phương pháp đúng đắn và phải thực hiện mọi biện pháp đề phòng tổn thất để bảo vệ cho tài sản đó.



BIỂU PHÍ

BẢO HIỂM MỌI RỦI RO CÔNG NGHIỆP, BẢO HIỂM MỌI RỦI RO TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 180/2007-QĐ-ABIC ngày 20 tháng 8 năm 2007 của
 Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần bảo hiểm NHNo&PTNT Việt Nam)

**Phí bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp và bảo hiểm mọi rủi ro tài sản được tính
 trên cơ sở biểu phí bảo hiểm hỏa hoạn (dưới đây) cộng thêm 20%.**

Biểu phí BẢO HIỂM HỎA HOẠN

Biểu số 1 : Biểu phí áp dụng cho tất cả các ngành:

		Mã số: 0-0
		Phí bảo hiểm (‰)
1.	Nhà làm việc, văn phòng	
+	Nhà loại D	1, 2
+	Nhà loại N	1, 5
+	Nhà loại L	2, 0
2.	Nhà sản xuất đang xây dựng	
+	Với số tiền bảo hiểm tăng dần theo tiến độ thi công	1, 5
+	Với số tiền bảo hiểm cố định	1, 2
3.	Hàng mẫu, mẫu sản phẩm.	
3.1	Bảo hiểm theo giá trị thực tế. Sử dụng tỷ lệ phí tính được theo hướng dẫn trước khi áp dụng giảm phí theo mức miễn thường.	
3.2	Bảo hiểm trên cơ sở tổn thất đầu tiên (first loss basis) Tăng gấp đôi tỷ lệ phí tính được theo hướng dẫn trước khi áp dụng mức miễn thường, nhưng tối thiểu là:	3,0
4.	Bảo hiểm chi phí dọn dẹp hiện trường, chi phí chữa cháy:	
2.1	Bảo hiểm trên cơ sở tổn thất đầu tiên. Tính phí theo hướng dẫn trước khi áp dụng mức miễn thường, nhưng tối thiểu là:	4,0
2.2	Chú ý: Số tiền bảo hiểm của mục 4 ít nhất phải bằng 10% số tiền bảo hiểm của đơn vị rủi ro có giá trị cao nhất.	

Biểu số 2: Biểu phí áp dụng cho cửa hàng, kho tàng:

		Mã số: 0-1	
Mã hiệu	Loại kho, cửa hàng	Phí cơ bản (‰)	
	+	Cửa hàng	
9711	2.3	Cửa hàng bách hóa có diện tích trên 2000 m ²	2.30
9712	2.4	Các công ty bán hàng theo đơn đặt hàng qua bưu điện	3.20
9713	2.5	Cửa hàng bách hóa lớn, Trung tâm thương mại, Siêu thị	2.90
	+	Kho (bao gồm cả tháp, hầm, bể chứa)	

*941	Kho với rủi ro cháy rất thấp	0.90
*942	Kho với rủi ro cháy thấp	1.50
*943	Kho với rủi ro cháy trung bình	2.30
*944	Kho với rủi ro cháy tương đối cao	3.50
*945	Kho với rủi ro cháy rất cao	5.00

- **Ghi chú:** Đối với các loại kho mức độ rủi ro được đánh giá tùy theo:
 - Loại hàng chứa trong kho căn cứ vào tính chất của hàng hóa đó.
 - Diện tích của kho, chiều cao của kho (khi đánh giá nơi cao nhất sẽ được tính đến)..
 - Hình thức bao gói của hàng hóa.
 - Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Biểu phí 3: Hệ số điều chỉnh phí bảo hiểm các loại kho loại *942 đến *945 theo chiều cao xếp hàng và diện tích kho:

Mã 0-2

Chiều cao xếp hàng (m)		Hệ số điều chỉnh phí theo diện tích bề mặt chứa hàng (m ²)					
trên	đến	tới 1600	>1600 - 3200	>3200 - 5000	>5000 - 7500	>7500 - 15000	>15000 30000
	5,0	0.85	0, 90	0, 95	1, 00	1, 10	1, 20
5,0	7,5	0.85	0, 95	1, 00	1, 05	1, 20	1, 30
7,5	10,0	1.00	1, 05	1, 10	1, 15	1, 30	1, 40
10,0	15,0	1.20	1, 25	1, 30	1, 35	1, 60	1, 80
15,0	20,0	1.40	1, 45	1, 50	1, 55	1, 80	2, 00
20,0		1.60	1, 65	1, 70	1, 75	2, 00	2, 20

- Tăng phí cho các kho từ *943 đến *945 nếu:
 - diện tích chứa hàng vượt quá 7.500 m²
 - hoặc chiều cao xếp hàng vượt quá 7,5m mà không có các hệ thống chữa cháy tự động (tại mục 2) như Sprinkler hoặc hệ thống chữa cháy bằng CO₂.

50%

Việc tăng phí này cũng được áp dụng khi tính chất của rủi ro không cho phép lắp đặt hệ thống, phương tiện, thiết bị chữa cháy

Mã 0-3

- **Chú thích đối với *941 đến *945:**
 1. Kho hàng được phân thành các loại 941 đến 945 căn cứ vào độ chịu lửa, độ nguy hiểm cháy của bản thân hàng hóa, bao bì, điều kiện kho, phương tiện cất giữ hoặc vận chuyển trong kho.
 2. Diện tích bề mặt xếp hàng của kho bằng diện tích mặt sàn (đất) nhân với số tầng (lầu ngầm dưới đất và trên mặt đất). Chiều cao của tầng cao nhất được coi là chiều cao xếp hàng - cơ sở để xác định chiều cao.
 3. Nếu cụm rủi ro bao gồm nhiều đơn vị rủi ro với những điều kiện và mức phí khác nhau thì phải lấy mức trung bình căn cứ vào giá trị tương ứng của nhà kho và hàng hóa bên trong hoặc tỷ lệ diện tích của từng ngôi nhà hoặc kho.
 4. Đối với kho lộ thiên (ngoài trời) thì không áp dụng các yếu tố điều chỉnh phí đối với các kho *942 đến *945, cũng như không áp dụng các mức tăng giảm phí đối với những kho *943 đến *945 không có trang thiết bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy được công nhận.
 5. Đối với tháp, hầm, bể chứa, container, thùng lớn thì không áp dụng cách điều chỉnh phí quy định cho các kho loại *942 đến *945, không tăng phí như những kho loại *943 đến *945 và không điều chỉnh phí theo mục 3 - bậc chịu lửa của cấu kiện xây dựng .

Phân loại bao bì đóng gói:

4.1 Bao bì được chia thành 5 loại:

- + P1= không có bao bì (để trần)
- + P2= Bao bì bằng chất không cháy, phủ kín hàng hóa và có độ dày bằng nhau. Bao bì bằng vật liệu không cháy nhưng độ dày không đồng nhất hoặc không phủ kín hoặc không có độ dày bằng nhau thì xếp vào loại P1
- + P3= Bao bọc (chèn lót góc, lề, cạnh bằng vật liệu dễ cháy.
- + P4= Bao bì gỗ, các tông, giấy, nhựa cứng và cả một phần nhựa xốp dễ cháy.
- + P5= Bọc kín bằng nhựa xốp cả trong và ngoài

4.2 Các dấu hiệu nhận biết ban đầu.

- + Nếu hàng hóa được chứa trên các giá gỗ hoặc lót rơm thì được xếp ít nhất vào loại đóng gói P3.
- + Nếu hàng hóa được chứa trong hoặc vận chuyển bằng các container làm bằng vật liệu dễ cháy (gỗ..) thì được xếp vào loại đóng gói P4.
- + Các loại thiếc, kính, chai lọ, bình thủy tinh, hộp sắt, hoặc tương tự không được coi là bao bì đóng gói. (Nếu chúng được xếp vào loại dễ cháy thì xếp vào loại P4)
- + Hàng hóa đóng gói chỉ phủ kín không quá 20% diện tích bề mặt của hàng hóa thì chỉ coi là để bảo vệ gờ (cạnh) [xếp vào loại (P3)].
- + Khi tính phí đối với kho có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì phải căn cứ vào mức độ nguy hiểm cao nhất của hàng hóa, muốn vậy cần xem xét khối lượng, tính chất dễ cháy của hàng hóa, phương tiện vận chuyển và bao bì của chúng.
 - Nếu phần lớn [hầu hết] hàng hóa là loại dễ cháy xếp vào loại kho *944.
 - Nếu hàng hóa là sản phẩm nông nghiệp xếp vào loại kho *943.
- + Mũi tên (->) chỉ sự phân loại hàng hoá tương tự.

Phân loại kho căn cứ vào hàng hóa và bao bì:

Loại hàng hóa	Phân loại hàng hóa theo kho căn cứ vào bao bì đóng gói					
	Trong tháp, thùng chứa	P1	P2	P3	P4	P5
+ Bông sợi (r)	-	947	942	-	943	944
- bao bì dễ cháy (r)	-	941	942	-	943	944
- bao bì không cháy(r)	-	941	942	-	943	944
+ Bột mài:						
- gốc là vật liệu dễ cháy	-	942	942	-	943	944
- không gồm vật liệu dễ cháy	-	941	942	-	943	944
+ Chất dẻo (dính, dán)	-	-	943	-	944	945
+ Bình phun:						
- chất bên trong không cháy	-	941	941	-	943	944
- chất khác	-	944	943	-	945	945
+ Sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ)	-	943	942(943)	943(944)	944(945)	945(-)
+ Đá nhân tạo	-	941	-	942	943(941)	-
+ Sản phẩm amiăng	-	941	-	941	943	-
+ Vật liệu băng bó (xem NL dệt)						
+ Đồ uống:						
- Bia, rượu vang	941	-	941	-	943	-

-	có cồn khác	-	-	942	-	943	-
-	không có cồn	941	-	941(-)	-	943(-)	-
+	Gạch	-	942	941	-	943	-
+	Cáp cuộn không bọc (để trần)	-	942	-	-	-	-
+	Cáp có vỏ bọc:	-	-	-	-	-	-
-	bằng chất không cháy	-	941	-	-	943(945)	944(945)
-	bằng chất dễ cháy	-	944(943)	-	-	945	945
+	Thảm: (xem hàng dệt thành phẩm và bán thành phẩm)	-	-	-	-	-	-
+	Xi măng	941	941	-	-	942	-
-	sản phẩm từ xi măng*	-	942	-	942	941	944
+	Đồ gốm:	-	-	-	-	-	-
-	trình vi, chính xác -nguyên chất	-	942	941	943	944	944
-	bình thường	-	941	-	942	941	944
+	Ngũ cốc (->bột)	942	942	941	-	943	944
+	Đá phan (phẩm nhuộm)	941	941	-	-	943	-
+	Hóa chất:	-	-	-	-	-	-
-	vô cơ	942	-	942	-	943	-
-	hữu cơ	944	-	944	-	944	-
-	nổ	944	-	944	-	-	-
+	Vật liệu tẩy, giặt:	-	-	-	-	-	-
-	xà phòng, bột giặt	-	941	941	-	941	944
-	khác (xem chất lỏng)	-	-	-	-	-	-
+	Than đá, than cốc	-	942	942	-	-	-
+	Than bùn, bụi than	945	945	-	-	-	-
+	Cà phê	-	-	-	-	-	-
-	nguyên liệu (sống)	-	942	-	-	943	-
-	thành phẩm (đã chế biến)	-	943	942	-	943	944
+	Muối tự nhiên (thường)	941	941	-	-	943	-
+	Mỹ (hóa) phẩm	-	943	-	943	944	945
+	Thiết bị điện	-	944(943)	942	943	944	945
+	Thiết bị điện tử	-	944	942	943	944	945
+	(-> thiết bị cơ khí chính xác)	-	-	-	-	-	-
+	Sản phẩm bột	-	942	941	-	943	944
+	(-> thực phẩm)	-	-	-	-	-	-
+	Chất béo	-	943	-	943	944	945
-	Dầu thực vật*	943	943	942	-	944	945
+	Phân bón	943	943	942	-	944	945
+	Bột	942	942	941	-	943	944
+	(-> ngũ cốc)	-	-	-	-	-	-
+	Cỏ khô	942	942	941	-	943	944
+	Thực phẩm	-	-	-	-	-	-
-	đóng hộp (dựng trong chai lọ)	-	941	941	942	943	944
-	khác	-	942	941	-	943	944
+	(-> đồ uống, cà phê, chè, thực phẩm có bột, đường)	-	-	-	-	-	-
+	Tượng (xem đồ gốm sứ)	-	-	-	-	-	-
+	Đồ dùng chủ yếu làm bằng:	-	-	-	-	-	-
-	Gỗ	-	943	-	943	944	945
-	Thép	-	942	-	943	944	945
-	Nhựa xốp	-	945	-	945	945	945
-	Nhựa đặc	-	944	-	944	944	945
+	Khí	-	945	-	945	945	945

+ Kính	-	941	941	942	943	944
+ Sắt thép	-	941	-	-	-	-
+ Da, sản phẩm từ da	-	942	941	-	943	944
+ Nhựa dán (vôi)	942	942	-	-	-	-
+ Chất lỏng						
- dễ cháy	-	945	-	945	945	945
- không cháy	-	941	-	942	943	944
(nếu chất lỏng chứa trong can dưới áp suất cao xem bình phun; -> đồ uống)						
+ Máy móc	-	942	942	943	943	944
+ Nệm đệm (xem kho đặc biệt)						
+ Sản phẩm từ sắt, thép	-	941	941	942	943	944
+ Len, lông tự nhiên	-	941	942	-	943	944
+ Máy văn phòng (xem thiết bị điện, điện tử)						
+ Dầu (tự nhiên, động thực vật	-	943	-	943	944	944
+ Quặng	-	941	-	-	-	-
+ Giấy bìa carton						
- Giấy Ram	-	942	941	-	943	944
- Giấy cuộn:						
- xếp ngang	-	943	-	-	-	-
- xếp dọc	-	944	-	-	-	-
+ Hàng hóa từ, bằng giấy bìa	-	944	942	-	944	945
+ Dược phẩm	-	943	942	943	944	945
+ Vật tư, thiết bị ngành ảnh (phim, giấy, kính ảnh)	-	943	943	944	945	945
+ Thạch cao	941	941	-(941)	-	-	-
+ Sản phẩm từ thạch cao	-	941	941	942	943	944
+ Nhựa:						
- nhựa xốp	943	943	943	944	944	945
- nhựa đặc	-	945	944	945	945	945
+ Thiết bị cơ khí chính xác	-	942	941	-	944	945
+ Thạch anh	942	942	-	-	944	-
+ Mền bông (xem hàng dệt thành phẩm và bán thành phẩm)						
+ Bãi gỗ tròn (ngoài trời)	-	942	-	-	-	-
+ Sản phẩm từ cao su	-	944	943	944	944	945
+ Dung môi (xem chất lỏng)						
+ Đá quý	-	941	-	942	943	-
+ Đường:						
- dạng lỏng	941	-	941	-	-	-
- thô	941	942	-	-	943	-
- trắng	941	943	-	-	943	-
- viên, đường phèn	942	943	-	-	944	-
+ Nguyên liệu sản xuất đường (củ cải đường, mía)	941	941	-	-	-	-
+ Chè						
- nguyên liệu	-	942	-	-	943	-
- thành phẩm (->thực phẩm)	-	943	942	-	943	-(944)
+ Nguyên liệu dệt sợi (tơ sợi)						
- lông động vật	-	942	942	-	943	-
- sợi thực vật, tổng hợp hoặc hỗn hợp	-	943	942	-	943	-

- sợi có gốc từ dầu mỏ (có chứa dầu, mỡ)	-(945)	945(944)	944(-)	-(945)	945(-)	-
- sợi vụn (xem kho đặc biệt)						
+ Thành phẩm và bán TP dệt						
- không có lớp lót bằng bột xốp (không pha sợi tổng hợp*)	-	943	942	-	943	944
- có lớp lót bằng bột xốp (có pha sợi tổng hợp*)	-	944	943	-	944	945
+ Gạch lát (xem đồ gốm)						
+ Đồ thiếc (xem kim loại)						
+ Thuốc lá (xì gà) nguyên liệu	-	942	-	-	942	-
+ Sản phẩm thuốc lá	-	943	942	-	943	944
+ Véc ni, sơn dầu (xem chất lỏng)						
+ Xe cộ để ngoài trời	-	941	-	-	-	-
+ Mặt gỗ dán (-> gỗ)	-	944	-	-	945	945
+ Sáp	-	943	-	943	944	945
+ Gỗ:						
- xẻ thô	-	943	-	-	-	-
- ngâm tẩm	-	944				
+ Sợi gỗ, vỏ bào, mùn cưa (xem kho đặc biệt)						
+ Hàng hóa khó cháy (trừ khi quy định ở mục khác)	941	941	941	942	943	944
Chú thích () PTI						

Mã số 0-4

Mã số	Loại hình	Tỷ lệ phí %
*950	Kho đặc biệt (chuyên dụng chứa vật liệu dễ cháy), cụ thể: Than bùn, bụi than bùn, than bùn trộn rơm, than nâu, than đá, nhựa xốp, chất nổ, dễ gây nổ, đạn dược, đệm, nệm, thảm, giấy lộn, vải sợi mịn, len, các sản phẩm từ gỗ: sợi gỗ, gỗ thanh, vỏ bào, mùn cưa,; bã mía và sản phẩm làm bằng các chất dễ cháy. Các yếu tố để phân chia đơn vị rủi ro theo *942 đến *945 không áp dụng ở đây. Việc tăng phí theo *943 đến *945 cho kho không có thiết bị chữa cháy tự động (được công nhận) cũng không áp dụng ở đây.	11.00 (11.3)
9971	Kho lạnh với nhiệt độ dưới 0°C Các yếu tố phân định đơn vị rủi ro theo *942 đến *945 không áp dụng ở đây Việc tăng phí theo *943 đến *945 cho kho không có thiết bị chữa cháy tự động (được công nhận) cũng không áp dụng ở đây. Đối với những kho lạnh với nhiệt độ trên 0°C xem *941 đến *945.	2.50 (2.00)

Biểu số 4: Biểu phí bảo hiểm cho các ngành sx & DV

Phân loại nhóm mã các loại hình sản xuất, kinh doanh:

+ Nhóm 0:	Thương mại, kho tàng	+ Nhóm 5:	Dệt, may
+ Nhóm 1:	Khai khoáng	+ Nhóm 6:	Da
+ Nhóm 2:	Đất đá	+ Nhóm 7:	Gỗ
+ Nhóm 3:	Kim loại	+ Nhóm 8:	Thực phẩm
+ Nhóm 4:	Hóa chất	+ Nhóm 9:	Khác

Mã 1

Mã hiệu	Loại hình	Tỷ lệ phí (%)
	+ Ngành chế tạo kim loại (quặng)	
1010	- Khai thác mỏ và bóc đất đá	1.50
1015	- Luyện kim (trừ quặng sắt)	3.20
1030	- Luyện than cốc	5.60
1110	- Luyện gang, sắt	4.20
1131	- Luyện thép	4.80
1132	- Các quy trình sản xuất (chế biến, gia công) khác	4.60
	+ Ngành sản xuất than đá	
1033	- Khai thác mỏ và bóc đất đá	3.00
1050	- Sản xuất than bánh	3.00
	+ Ngành sản xuất than non	
1072	- Khai thác mỏ và bóc đất đá	1.30
1090	- Sản xuất than bánh	1.50
1150	- Khai thác muối ăn (muối mỏ)	2.90
	+ Ngành dầu, khí thiên nhiên	
1171	- Thiết bị khoan và chiết xuất	5.80
1190	- Ngành sản xuất than bùn	10.10
		Mã 2-1
	+ Khai khoáng	
2010	- Khai thác và bóc đất đá (hầm mỏ, khai thác và nghiền sỏi, đất sét)	2.30
2020	- Sản xuất đá ..(cưa, mài, đánh bóng)	1.30
2040	- Chế biến (sỏi, đá dăm, than xỉ trộn nhựa) với asphat hoặc bitumen.	3.00
2050	- Sản xuất xi măng, vôi, vữa, thạch cao, nhựa và sản phẩm tương tự	2.00
	+ Chế tạo gốm	
2110	- Chế tạo đồ gốm cao cấp (như gạch lát, đồ sứ, đồ đất nung, đồ gốm dân dụng)	2.70
2130	- Chế tạo đồ gốm thông thường (như gạch, đá, ống, khuôn đúc, và vật liệu chịu lửa)	4.10
1	Tăng phí cho 2110 và 2130 nếu có sử dụng chất dẻo, bột xốp	25%
	+ Sản xuất thủy tinh	
2161	- Sản xuất và chế biến thủy tinh rỗng	2.30
2162	- Sản xuất và chế biến kính cửa	2.20
2163	- Sản xuất và chế biến sợi thủy tinh	5.30
1	Tăng phí cho 2161 tới 2163 nếu có sử dụng chất dẻo, bột xốp	25 %
		Mã 2-2
2210	+ Chất mài mòn [sản xuất vật liệu mài mòn]	1.30
1	Giảm phí cho 2210 nếu sử dụng chất gắn, chất thấm, dung môi khó cháy (không sử dụng chất dễ cháy)	25 %
2250	+ Sản xuất bột đá, sợi đá, xỉ than	10.0
		Mã 3-1
3010	+ Ngành đúc	3.00
3039	+ Sản xuất và chế biến kim loại thô	1.70
1	Tăng phí cho 3039 nếu thiết bị làm lạnh có sử dụng chất dẻo, bột xốp	25 %
3040	+ Máy nghiền, cán nguội	2.30
3050	+ Sản xuất và chế biến kim loại chính xác (với dung sai - độ chịu cong tới 0.1 mm)	1.80
3060	+ Sản xuất đồ tráng men	2.00*
	+ Ngành vàng bạc và đồ nữ trang	
3070	- Sản xuất và gia công vàng, bạc, đồ trang sức	1.00

	+	Ngành điện và điện tử	
3091	-	Động cơ cỡ lớn	1.70
3094	-	Động cơ cỡ nhỏ, máy móc, thiết bị, trung tâm máy tính (hệ thống xử lý dữ liệu điện tử)	2.10
3096	-	Sản xuất thiết bị điện	2.80*
3097	-	Các tấm linh kiện điện tử, đèn điện tử, đèn tóc, đèn tuýp	1.80
3098	-	Bộ nguồn (Pin, Acquy)	3.00
3110	+	Dây dẫn, dây cáp điện	3.50
	+	Phương tiện giao thông	
3130	-	Phương tiện thủy	1.50
3150	-	Phương tiện bộ (ví dụ: xe ô tô, mô tô, tàu hoả)	2.00
3210	-	Máy bay	1.70
			Mã 4-1
4000(3)	+	Nhà máy hoá chất vô cơ và hữu cơ: Chế biến nguyên liệu và bán thành phẩm thành sản phẩm như phân bón dạng hạt, viên nhỏ, bột hoặc axít, muối, dung môi, cao su tổng hợp.	4.00√
)		Chú thích cho 4000(3): sợi hoá học xem 5691,5692; tác nhân màu xem 4011; chế biến chất dẻo xem 4004-4008	
	+	Chế biến nhựa (sản phẩm từ chất dẻo nhân tạo) thành phẩm	
4001	-	Sản xuất thành bàn chải	4.50*√
4002	-	Sản xuất áo đi mưa	4.00*√
4003	-	Sản xuất nút chai	3.50*√
4004	-	Chất dẻo không có bột (nhựa đặc, không xốp) như nhựa thanh, tấm phủ, nền trang trí, bìa, phim và các vật liệu dùng bọc thông thường	4.50
4005	-	Sản phẩm phải dùng phương pháp ép và thổi (phun, đùn, đúc) chất dẻo, nhựa	7.50
4006	-	Sợi tổng hợp (polyester), bao gồm cả phân cốt sợi thủy tinh, sợi khác	15.00
4007	-	Chất dẻo bột hay cao su bột (xốp) ví dụ: khổ dài, tấm, và dạng ống	18.00
4008	+	Xưởng sx, chế biến (gia công), [bán] chất dẻo (bột xốp)	18.00
		Chú thích cho 404 đến 4008: việc chế biến bao gồm cả định hình, các công việc và máy móc cơ khí để hoàn thiện sản phẩm.	
4011	+	Tác nhân màu (chất màu và phẩm, thuốc nhuộm)	3.50
4012	+	Véc ni, vật liệu sơn phủ bề ngoài, mực in	3.90
4013	+	Dầu mỡ thực vật, nến	10.00
		Chú thích cho 4013: đối với bơ thực vật và mỡ ăn dùng tỷ lệ của 8610; đối với dầu, mỡ động vật dùng tỷ lệ của 8741.	
4014	+	Xà phòng, chất tẩy rửa, làm sạch	2.70
			Mã 4-2
4015	+	Chất kết dính như keo, hồ dán, véc ni dính, keo dán tổng hợp	2.30
		Chú thích cho 4015: để dán lớp phủ (vỏ bọc bên ngoài) bằng: cao su xem 6170; chất dẻo, nhựa xem 4004, 4007; giấy xem 6550; vải xem 5270, 5510	
4016	+	Dược phẩm và mỹ phẩm (sản phẩm hoàn chỉnh)	1.90
4017	+	Các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm (hóa, lý -hóa và vật lý)	2.50
		Giảm phí đối với loại hình từ 4003 đến 4017:	
1		nếu sử dụng, sản xuất các chất khó cháy, nổ giảm	30 %
		Tăng phí đối với 4001 đến 4017:	
2		nếu có máy nén quá 200 bar và / hoặc nhiệt độ vượt quá 500°C	25 %
3		sản xuất / sử dụng các chất tự bốc cháy, dễ cháy (phát lửa)	25%
			(15)
4		sản xuất/ sử dụng chất peroxyt (hydro peroxyt)	50 %
5		sản xuất/ sử dụng các chất nổ, dễ nổ [thuốc súng (đạn), thuốc, ngòi,	100 %

kíp nổ, chất kích nổ]		Mã 5-1
5010	+ Chế biến, xử lý phế liệu (thải) vải sợi (như phân loại, giặt, chải và buôn bán)	10.10
	+ Vải bông, ni, tơ lụa, len, dạ (vải pha)	
5032	- Vải bông	6.50
5034	- Ni	7.00
	Chú thích cho 5430: đối với thảm, trải nền xem 5251	
5036	- Tơ lụa, len, dạ	7.00
	Chú thích cho 5032 tới 5036: nếu quá trình sản xuất các phân xưởng không được ngăn cách chống cháy, phân chia thành khu vực biệt lập nhau thì phí bảo hiểm tính chung như theo 5010.	
	+ Nhà máy chỉ khâu: ✓	
5041	- Len mới (sợi len xe) [xưởng sợi]	3.50
5042	- Cốt tông	6.50 ✓
5043	- Sợi len chải	6.00 ✓
5044	- Sợi tổng hợp	6.00 ✓
5045	- Tơ tự nhiên (nguyên liệu sợi vít cô)	3.50 ✓
5046	- Sợi vỏ (lanh, gai, dày)	12.00 ✓
	+ Nhà máy dệt (trừ dệt thảm)	
5223	- Tơ, len, sợi tổng hợp	2.00 ✓
5233	- Các loại khác (cốt tông, vít cô, lanh, gai, dày...)[xưởng dệt]	3.60
5251	+ Sản xuất thảm, tấm trải sàn [như thảm, vải phủ nền nhà]	6.50
	+ Làm hoa giả	4.00* ✓
5270	+ Hồ vải [và in trên vải]	4.50
1	Tăng phí đối với 5270, nếu kết hợp cả là và sấy [sử dụng máy làm phẳng và sấy khô vải]	50 %
	Chú ý: có thể không tăng phí nếu các máy móc kể trên có trang bị hệ thống chữa cháy tự động [phát hiện và chống cháy tự động]	
	+ Chế biến sợi [sản xuất chỉ]	
5410	- Xưởng dệt kim [, cửa hàng đồ dệt kim]	4.00* (6.00)
5430	- Xe, kéo sợi [xưởng xe, sx chỉ bằng các phương pháp khác]	3.90
5440	- Sản xuất dây thun	2.80* ✓
5550	- Nhà máy sản xuất dây chấu, dây thừng (không phải là chỉ)	4.00
1	Tăng phí đối với 5450 nếu dây có phủ nhựa, nhựa đường (hắc ín)	50 %
5510	+ Ngành công nghiệp may mặc	2.60
5520	+ Làm khoá kéo	2.60* ✓
5631	+ Trang bị cho phòng ngủ (như mền bông, chăn, đệm, gối nhồi..)	12.50
1	Tăng phí đối với 5631 nếu có sử dụng chất dẻo xốp (bọt nhựa, mút) hoặc cao su xốp	50 % (100)
5650	+ Xưởng [cửa hiệu] giặt, là, tẩy, hấp, nhuộm	3.50
	+ Sợi hóa học	
5691	+ Tơ nhân tạo, sợi vitco	3.70
5692	+ Sợi tổng hợp[nhân tạo 1005] từ dạng hạt và bột	2.50
	Mã 6-1	
6010	+ Sản xuất da (thuộc da)	12.00
	+ Chế biến sản xuất đồ gia	
6071	+ Giày dép	3.00
6072	+ Sản phẩm da khác	3.20 (3.50)
	+ Sản xuất chế biến cao su	
6170	+ Sản phẩm từ cao su, tái sinh cao su	5.30
1	Tăng phí đối với 6170 nếu có sử dụng cao su xốp (bọt)	25 %
6180	+ Sản xuất lốp xe	3.50*
	+ Sản xuất giấy	

6530	-	Bột giấy		3.10
6531	-	Giấy, carton, bìa cứng (giấy da, cho đến giai đoạn trước khi cuốn lô hoặc xếp thành tập)		6.80
				Mã 6-2
	+	Chế biến giấy		
6550	+	Giấy, các tông, bìa (bao gồm cả sản xuất các tông sống và sợi lưu hoá)		6.80
	+	Xưởng in		
6860	+	Xưởng in [với khổ rộng và hẹp] (trừ sản xuất, chế biến giấy)		1.70 (2.50*)
6870	+	Đóng sách		1.70 (2.50*)
6880	+	Xử lý giấy lộn, giấy lẻ [vụn xếp, nghiền xé vụn]		24.00
				(15.0*)
				Mã 7
7011	+	Xưởng cưa		9.40
7091	+	Sản xuất gỗ dán [, foocmica]		6.50
	+	Gỗ tấm (phiên) [gỗ ép tấm]		
7111	-	Gỗ ép tấm từ sợi gỗ, mùn cưa		20.00
7114	-	Gỗ ép tấm có phủ magie hay ximăng		7.50
	+	Đồ dùng gia dụng [trong nhà]		
7135	+	Sản xuất đồ gỗ trong nhà		6.50
7137	+	Sản xuất đồ dùng gia đình có nhồi (đệm), lót		7.50
	+	Tăng phí đối với 7135 và 7137, nếu có chế biến và sử dụng nhựa [chất dẻo], cao su xốp (mút)	50 %	
7251	+	Chế biến đồ gỗ khác		6.50
7280	-	Khắc chạm (như làm chổi, bàn chải, chổi sơn, trừ phần xử lý gỗ)		3.00
7310	-	Các loại dải viên, dây tết		7.80
7370	-	Làm rổ, sọt		6.50
7390	+	Sản xuất bút chì gỗ		4.80
				Mã 8-1
	+	Nhà máy xay bột và xay xát		
8010	-	Nhà máy xay bột mì		14.00
				(8.00*)
8020	-	Nhà máy xay xát (kể cả bột gạo)		10.50
				(5.00*)
8021	-	Đánh bóng gạo		3.00*
8210	-	Đường		1.10
		Chú thích : đối với sản phẩm sữa xem 8591; đối với sản phẩm mút kẹo xem 8651, 4016; đối với sản phẩm dạng tinh bột xem 8550		
		Tăng phí đối với 8210 nếu tính cả thiệt hại do lên men [bao gồm cả quá trình lên men]	200%	
	+	Nhà máy chế biến mạch nha, sản xuất bia		
8410	-	Xưởng mạch nha (malt houses) [nhà máy chế biến (hoặc kho) mạch nha]		2.30
8430	-	Xưởng ủ bia [nhà máy bia]		0.90 (1.20)
		Tăng phí đối với 8435 nếu xưởng [nhà máy, kho chứa] mạch nha và nơi ủ [nhà máy] bia nằm chung trong một ngôi nhà [thể thống nhất]	50%	
8470	+	Nhà máy rượu cồn (bao gồm sản xuất cồn, rượu mạnh, cô nhắc, rượu mùi, rượu rum pha, men rượu)		1.50
8490	+	Nhà máy sản xuất rượu vang và đồ uống không có cồn		1.20
		Tăng phí đối với 8490, nếu có trực tiếp chiết xuất nước quả	50 %	
8510	+	Nhà máy sản xuất dấm, mù tạc		1.10
				Mã 8-2
8550	+	Tinh bột		3.50
8571	+	Thực phẩm khô ăn liền [dạng bột khô] như mì ăn liền, bột pudding, bột dinh dưỡng)		2.50

8572	+	Sản phẩm từ khoai tây		3.50
	+	Chế biến sữa		
8591	+	Bơ, sữa, kem		1.40
		Tăng phí đối với 8591, nếu sản xuất sữa bột không được bố trí riêng biệt	50 %	
8610	+	Sản xuất bơ thực vật, mỡ ăn		1.40
8630	+	Sản xuất bánh mì, bánh bích quy, bánh ngọt [, bánh mì khô]		4.00
8640	+	Sản phẩm dạng bột		4.00
8651	+	Sản phẩm mút kẹo (bao gồm kẹo, sô cô la, mút, sirup-nước quả cô đặc)		2.10
		Chú thích nếu là kho lạnh xem mã kho lạnh O [phí kho lạnh]		
8671	+	Thực phẩm đóng hộp, đông lạnh (rau, quả, món ăn sẵn)		2.50
				Mã 8-3
8672	+	Thịt, xúc xích, cá (thực phẩm đóng hộp và đông lạnh)		4.00
		Tăng phí đối với 8672, nếu trong quá trình chế biến việc hun và sấy (thực phẩm) không được ngăn cách chống cháy [tách riêng]	20 %	
8674	+	Lò mổ (không kể nơi chế biến)		2.80
		Chú thích đối với 8674, nếu chế biến thì xem phí của 8672, 8741		
8675	+	Trại nuôi gia cầm		2.0*
8710	+	Cà phê, sản phẩm từ cà phê (kể cả cà phê hoà tan)		3.00
8711	+	Chế biến chè		3.50*
	+	Chế biến thức ăn gia súc đông cô		
8741	-	Bột cá, mỡ [thịt, cá và các sản phẩm phụ như tép mỡ động thực vật]		14.00
				(10.0*)
		Chú thích đối với 8741 chiều cao xếp hàng không quá 20 bao; kiểm soát được nhiệt độ (√)		
8742	-	Thức ăn thay thế [các sản phẩm phụ tương đương] (như sữa cho thú con) được chế biến từ váng sữa (sữa đã lấy hết kem) nhưng trừ sản xuất các sản phẩm làm từ nguyên liệu gốc, thức ăn tự nhiên [cơ bản hay phụ gia]		3.50 (√)
8743	-	Các thức ăn dạng cô đông khác		4.00
		Chú thích đối với 8743, nếu các quy trình xay, nghiền xem 8010, 8020		
8790	+	Thuốc lá, thuốc lào, xì gà		1.50 (2.50)
		Tăng phí đối với 8790, nếu bao gồm cả thiệt hại [quá trình] lên men	200%	
8791	+	Chế biến lông vũ		6.50*
				Mã 9-1
9011	+	Nhà máy thủy điện		1.10
9013	+	Nhà máy nhiệt điện		1.30
		Tăng phí đối với 9013, nếu nhiệt năng được thu (sản xuất) từ rác thải	25 %	
9021	+	Trạm biến thế, chuyển tải, trạm ngoài trời [tài sản bên ngoài]		1.20 (1.50*)
9050	+	Nhà máy cấp (sản xuất) hơi nóng (suối, sấy)		0.90
		Chú thích cho 9050, nếu nhiệt năng thu được [nhà máy sản xuất hơi dùng năng lượng đốt] từ rác thải xem 9051		
9051	+	Nhà máy đốt rác [đổ, xử lý rác]		2.20
9052	+	Nhà máy làm phân trộn [xử lý phân]		7.50
9053	+	Xưởng nổi hơi phát điện [nổi hơi, máy điện (diezen)] (bao gồm cả nhà máy điện)		1.60
9054	+	Tháp làm lạnh độc lập		1.00
9060	+	Sản xuất, xử lý, và phân phối khí, gas [công việc liên quan đến khí đốt - phát điện, phân phối, nạp gas, khí]		1.60 (2.50*)
9066	+	Xử lý nước ăn [công trình nhà máy cấp thoát nước]		0.60
9067	+	Nhà máy xử lý nước thải		0.60
9080	+	Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử (máy tính)		1.50
9081	+	Lắp ráp ti vi, radio		2.50*

9082	+	Nhà thờ, chùa chiền	2.00*
9083	+	Câu lạc bộ, nhà văn hoá	2.50*
9084	+	Nhà ga, bến xe	2.00*
9090	+	Đài phát thanh và truyền hình	1.20 (2.00)
9091	+	Bưu điện	2.00
9092	+	Thư viện	2.00
9110	+	Xưởng phim và phòng in tráng phim	1.90 (2.00)
9130	+	Rạp chiếu phim	2.50
9150	+	Rạp hát, rạp xiếc	3.50
	+	Nhà thi đấu, trung tâm thể thao	
9175	-	Không có nhà hàng	2.80
9176	-	Có nhà hàng	3.50*
9181	+	Trường đua, sân vận động	1.70
9182	+	Bể bơi công cộng	1.60
1		Tăng phí cho 9182 nếu có thêm nhà hàng hoặc phòng tập thể dục dụng cụ	50%
9230	+	Trung tâm triển lãm, hội chợ	2.30 (2.50)
9261	+	Bệnh viện	1.10
9262	+	Khách sạn[, nhà làm việc, văn phòng đại diện]	2.50
9263	+	Nhà hàng	5.00*
9264	+	Bar, sàn nhảy, phòng hoà nhạc	5.0*
9430	+	Bãi đỗ xe nhiều tầng	15.0*
9451	+	Xưởng sửa chữa, bảo hành xe [, cửa hàng ô tô, xe máy]	1.60
9452	+	Xưởng hàn, cắt	4.00*
9453	+	Lắp ráp xe máy	2.50*
9490	+	Xưởng [cửa hàng, nơi] sơn xi	5.00
9550	+	Đoàn (đội) xe và hoạt động đường sắt	1.80
	+	Máy bay	
9620	-	Máy bay	1.80 (r)
9621	-	Tàu lượn	2.70
		Chú thích đối với 9621 trừ chế tạo bảo dưỡng đại tu	
9622	-	Máy bay khi đỗ trên mặt đất, động cơ không hoạt động. Bao gồm cả thời gian nằm trong xưởng để sửa chữa bảo dưỡng, trung đại tu hay thay thế phụ tùng	1.20
9630	+	Hãng [xưởng sửa chữa máy bay]	1.10
9640	+	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.70
		Chú thích đối với 9640 bao gồm cả trung đại tu và chuyển đổi [thay thế phụ tùng]	
9650	+	Hoạt động của sân bay	1.50
9660	+	Phương tiện thủy	1.50
	+	Chú thích đối với 9660, trừ sản xuất [việc chế tạo], sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu	
9670	+	Xây dựng nhà cửa, công trình dân dụng và đường sá	2.70
		Chú thích đối với 9670 bao gồm cả tài sản ngoài trời, nhưng không bao gồm các tài sản trong lều, lán trại, nhà kho hay các tài sản tương tự khác	
1	+	Lều, lán trại, xe cộ.. nhưng áp dụng mức khấu trừ 25 %	15.00
		Chú thích: () tỷ lệ phí tham khảo của BV	